TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CM
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **05**/2019/HNGĐ-ST
Ngày 11/11/2019
V/v Ly hôn, nuôi con chung và nợ chung giữa Chị M và anh M

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CM, TỈNH BẮC KẠN
***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Hồng G;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Văn Hà;

2. Ông Lý Văn Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Dịu - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh Bắc Kạn xét xử công khai vụ án "Hôn nhân & gia đình" thụ lý số: 61/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2019 về việc "Ly hôn, nuôi con chung và nợ chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Vi Thị M**, sinh năm 1991, (có mặt);

Bị đơn: **Hoàng Hữu M**, sinh năm 1989, (vắng mặt).

Cùng trú tại: Thôn BĐ, xã HM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, có địa chỉ tại: Tầng 1, phố LĐ, phường HL, quận HM, thành phố Hà Nội, người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền ông: Hoàng Văn Q, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện CM, tỉnh Bắc Kạn tại Quyết định ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền lại ông Hà Trường G, chức vụ: Phó Giám đốc tại Quyết định ủy quyền số 241/QĐ-NHCS ngày 16/9/2019 của Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện CM, tỉnh Bắc Kạn, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, các tài liệu trong hồ sơ vụ án và trong quá trình xét xử. Nguyên đơn chị (**Vi Thị M**) trình bày:

Về hôn nhân và tình trạng hôn nhân: Ngày 27/02/2012, tôi (M) kết hôn với anh Hoàng Hữu M có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn theo quy định, hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, từ năm 2015 vợ chồng bắt đầu nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do cuộc sống vợ chồng không hợp nhau, anh M thường xuyên ghen tuông vô cớ, khiến tôi cảm thấy ngột ngạt khó chịu, gây áp lực cho cuộc sống gia đình, hơn nữa trong cuộc sống hàng ngày anh M không quan tâm đến vợ, con, không chịu lao động giúp đỡ vợ để nuôi dạy con, dẫn đến kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn, một mình tôi phải tự lao động để lo cuộc sống cho cả gia đình, mặc dù chị M và gia đình đã khuyên bảo anh M nhiều lần, nhưng anh M vẫn không thay đổi, dẫn đến vợ chồng phải sống ly thân. Từ tháng 6 năm 2019, chị M đã phải mang theo con về nhà mẹ đẻ của mình sống tại thôn Bản Vọt, xã HM và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không quan tâm, điện thoại, thư từ, thăm hỏi nhau. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, kiên quyết xin được ly hôn với anh Hoàng Hữu M.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên là: Hoàng Hữu Q, sinh ngày 16/5/2013. Sau khi ly hôn tôi (M) có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng tôi có vay số tiền 50.000.000đ của Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện CM, tỉnh Bắc Kạn, với mục đích để trồng rừng, ngày 12/4/2018 chúng tôi đã trả được số tiền gốc 20.000.000đ. Nay còn nợ số tiền gốc là 30.000.000đ, tôi và anh M đã làm giấy thỏa thuận, sau khi ly hôn anh M sẽ có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc 30.000.000đ và tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng theo quy định.

* Đối với bị đơn: Tại Biên bản lấy lời khai ngày (12/7/2019) và Biên bản hòa giải ngày (05/8/2019) anh M trình bày: Về cơ bản anh M nhất trí với nội dung trình bày của chị M về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung. Về quan hệ hôn nhân, anh M kết hôn với chị M trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 27/02/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống chung với mẹ đẻ tại thôn BĐ, xã HM, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì lớn, không hiểu lý do gì chị M lại mang theo con bỏ về ở với bố mẹ đẻ của mình từ tháng 6 năm 2019. Nay anh M xác định tình cảm với chị M vẫn còn và mong muốn tình cảm vợ chồng hàn gắn lại để nuôi dạy con. Chị M xin ly hôn anh M không nhất trí.

Về con chung: Tại Biên bản lấy lời khai ngày 12/7/2019 anh M trình bày: Nếu vợ chồng phải ly hôn, nguyện vọng của anh xin được nuôi con chung là cháu

Hoàng Hữu Q, sinh ngày 16/5/2013, không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về nợ chung: Tại Bản tự khai ngày 12/7/2019, anh M trình bày: Hiện vợ chồng anh còn nợ Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện CM, tỉnh Bắc Kạn với số tiền 30.000.000đ, đối với số nợ trên anh M không yêu cầu chị M phải trả nợ.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Hà Trường G là người đại diện theo ủy quyền lại của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam trình bày: Ngày 12/3/2017, Ngân hàng đã làm thủ tục cho hộ gia đình chị Vi Thị M và anh Hoàng Hữu M vay số tiền 50.000.000đ *(Năm mươi triệu đồng)*, với lãi suất: 0,75%/tháng, thời hạn vay: 05 năm, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 12/3/2022, mục đích vay vốn để trồng rừng, theo chương trình cho vay hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn. Đến ngày 12/4/2018, chị M và anh M đã trả được số tiền gốc 20.000.000đ, hiện nay còn nợ số tiền gốc 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh theo quy định. Nay chị M và anh M ly hôn, Ngân hàng đề nghị Tòa án giải, phân định rõ ai là người phải có trách trả số tiền nợ gốc còn lại là: 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh cho Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện CM, tỉnh Bắc Kạn theo hợp đồng đã được ký kết với Ngân hàng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM, tỉnh Bắc Kạn phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng yêu cầu quy định. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, nuôi con chung và nợ chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh Bắc Kạn theo quy định tại Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xem xét quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thị M. Chị Vi Thị M được ly hôn anh Hoàng Hữu M.

- Về con chung: Sau khi ly hôn giao con chung là cháu Hoàng Hữu Q, sinh ngày 16/5/2013 cho chị Vi Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Anh M không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn anh M có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi nào anh M có yêu cầu thay đổi người nuôi con chung, có quyền khởi kiện thay đổi người nuôi con chung sau khi ly hôn trong vụ án dân sự khác.

- Về tài sản chung: Các đương sự xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Hiện tại chị M và anh M còn nợ Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện CM, tỉnh Bắc Kạn số tiền 30.000.000đ và tiền lãi phát sinh theo quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã làm giấy tờ tự thỏa thuận có xác nhận của chính quyền địa phương, sau khi ly hôn anh M sẽ có trách nhiệm trả số tiền nợ 30.000.000đ và tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng. Căn cứ Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc trả số tiền nợ 30.000.000đ và tiền lãi phát sinh cho Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện CM, tỉnh Bắc Kạn cho đến khi đến hạn trả nợ là ngày 12/3/2022.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14. Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án và tống đạt hợp lệ đến bị đơn, đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần để các bên đương sự thỏa thuận với nhau. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải (lần 1) anh M có mặt, nhưng đến phiên hòa giải (lần 2) mặc dù được tống đạt, triệu tập hợp lệ, nhưng anh M vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án không hòa giải được. Tại buổi hòa giải ngày (05/8/2019), anh M có mặt xác nhận, cá nhân đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng không nhất trí ly hôn với chị M, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Về quan hệ hôn nhân và tình trạng hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh M là hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cuộc sống vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hàng ngày, anh M thường xuyên ghen tuông vô cớ, mâu thuẫn vợ chồng diễn ra trong thời gian dài không được giải quyết, dẫn đến chị M đã bỏ nhà về ở với mẹ đẻ của mình tại thôn Bản Vọt, xã HM từ tháng 6 năm 2019 và vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị M và anh M không thăm hỏi, điện thoại, thư từ gì cho nhau, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng không hàn gắn được.

Kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân tại chính quyền địa phương nơi các đương sự chung sống và những người thân của anh M bà (Liêu Thị T) mẹ đẻ anh M, bà (Đinh Thị D) mẹ đẻ chị M đã cho biết như sau: Chị M và anh M chung sống với nhau sau một thời gian, cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc, do nhiều nguyên nhân khác nhau. Do mâu thuẫn trầm trọng, dẫn đến vợ chồng phải sống ly thân từ tháng 6 năm 2019 cho đến nay. Trước khi chị M gửi đơn xin ly hôn, mặc dù đã được gia đình hai bên hòa giải, khuyên bảo nhiều lần, nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được, dẫn đến cuộc sống vợ chồng rạn nứt, không hàn gắn được.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị M xác định cuộc sống hôn nhân đã đến mức mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cương quyết xin được ly hôn với anh M. Yêu cầu xin ly hôn của chị M là có căn cứ, cần được chấp nhận.

- *Về con chung:* Chị M, anh M có 01 con chung tên là: Hoàng Hữu Q, sinh ngày 16/5/2013. Quá trình giải quyết vụ án xác định chị M và cháu Q đang sống chung với bố mẹ đẻ chị M tại thôn BĐ, xã HM, hàng ngày chị M đi làm về vẫn chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q. Tòa án đã triệu tập anh M nhiều lần để giải quyết vụ án, nhưng anh M đều vắng mặt không có lý do, hiện tại không có mặt tại địa phương. Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho cháu Q về mọi mặt, sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ do chị M cung cấp và điều kiện nuôi con, Tòa án xét thấy, việc giao cháu Q cho chị M được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chưa thành niên. Khi nào anh M có yêu cầu thay đổi người nuôi con chung, có quyền khởi kiện thay đổi người nuôi con chung sau khi ly hôn trong vụ án dân sự khác.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị M không đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn, anh M có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung*: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Hiện tại chị M và anh M còn nợ Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện CM, tỉnh Bắc Kạn số tiền: 30.000.000đ và tiền lãi phát sinh theo quy định. Căn cứ vào hồ sơ vay vốn tại Ngân hàng, các đương sự đều xác định đây là khoản nợ chung, mục đích vay vốn để trồng rừng. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh M, chị M đã lập biên bản tự thỏa thuận có xác nhận của chính quyền địa phương, sau khi ly hôn anh M sẽ có trách nhiệm trả số tiền nợ 30.000.000đ cho Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện CM, tỉnh Bắc Kạn và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện cho Ngân hàng cũng nhất trí để cho anh M có trách nhiệm trả số tiền còn nợ 30.000.000đ và tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng cho đến khi đến hạn trả nợ là ngày 12/3/2022. Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy, các đương sự tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc trả nợ số tiền nêu trên là hoàn toàn tự nguyên, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, cần được ghi nhận.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Vi Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Q

hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Vi Thị M. Chị Vi Thị M được ly hôn anh Hoàng Hữu M.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Hoàng Hữu Q, sinh ngày 16/5/2013 cho chị Vi Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Hữu M không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn anh M có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau: Sau khi ly hôn anh Hoàng Hữu M phải có trách nhiệm trả số tiền còn nợ gốc 30.000.0000đ (Ba mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh tính từ ngày (15/10/2019) cho Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện CM, tỉnh Bắc Kạn cho đến khi đến hạn trả nợ là ngày 12/3/2022.

5. Về án phí: Chị Vi Thị M phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm do chị M đã nộp theo biên lai số 0002009 ngày 01 tháng 7 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM, tỉnh Bắc Kạn.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự."

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự: Nguyên đơn (Vi Thị M), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, Chi nhánh Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện CM, tỉnh Bắc Kạn) có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn (Hoàng Hữu M) vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án sơ thẩm hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện CM;
- Chi cục THADS huyện CM;
- Các đương sự;
- UBND xã HM;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)